

Số/ No. : 22/2026/CV-DSP

*Tp.HCM, ngày 14 tháng 8 năm 2026
Ho Chi Minh City, 14 August 2026*

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE – FINANCIAL STATEMENTS**

**Kính gửi: - Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
To: - Ha Noi Stock Exchange (HNX)**

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau :

Pursuant to Circular No. 96/2020/TT-BTC dated 16/11/2020 of the Ministry of Finance guiding information disclosure on the securities market, Phu Tho Tourist Service Joint Stock Company hereby discloses 2025 Financial Statements to the Hanoi Stock Exchange as follows:

**1. Tên Công ty : Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ
Company name: Phu Tho Tourist Service Joint Stock Company**

Mã chứng khoán/ *Stock code* : **DSP**

Địa chỉ : Số 03 đường Hòa Bình, phường Bình Thới, Tp.HCM

Address : *No. 03 Hoa Binh Street, Binh Thoi Ward, Ho Chi Minh City*

Điện thoại/ *Tel* : 02838 650 921

Fax: 02838 655 930

Mail : sontran@damsenpark.vn

Website : phuthotourist.vn

2. Nội dung công bố *Disclosure contents*

- BCTC 6 tháng đầu năm 2026 *First half of 2026 Financial Statements*

☒ Báo cáo tài chính riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);/ *Separate financial statements (the listed entity has no subsidiaries and the superior accounting unit has no dependent units);*

☐ Báo cáo tài chính hợp nhất (TCNY có công ty con) ;/ *Consolidated financial statements (the listed entity has subsidiaries);*

☐ Báo cáo tài chính tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng)./ *Combined financial statements (the listed entity*

has a superior accounting unit with dependent units having separate accounting systems).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân/ *Cases requiring explanation of causes:*

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán 6 tháng đầu năm 2026). *The auditor issues an opinion other than an unqualified opinion on the financial statements (for first half of 2026 audited annual financial statements):*

☐ Có/ *Yes*

☐ Không/ *No*

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanation document (if "Yes" is ticked):*

☐ Có/ *Yes*

☐ Không/ *No*

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán 6 tháng đầu năm 2026). *Net profit after tax for the reporting period differs by 5% or more before and after audit, or shifts from loss to profit or vice versa (for first half of 2026 audited annual financial statements):*

☐ Có/ *Yes*

☐ Không/ *No*

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có :/ *Explanation document (if "Yes" is ticked):*

☐ Có/ *Yes*

☐ Không/ *No*

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước./ *Net profit after corporate income tax in the income statement for the reporting period changes by 10% or more compared to the same period of the previous year:*

☒ Có/ *Yes*

☐ Không/ *No*

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có :/ *Explanation document (if "Yes" is ticked):*

☒ Có/ *Yes*

☐ Không/ *No*

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại ./ *Net profit after tax for the reporting period incurs a loss, shifting from profit in the same period of the previous year to loss in the current period or vice versa:*

☐ Có/ *Yes*

☐ Không/ *No*

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có :/ *Explanation document (if "Yes" is ticked):*

☒ Có/ *Yes*

☐ Không/ *No*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 14/8/2026 tại đường dẫn <http://www.phuthotourist.vn> *This information was disclosed on the Company's website on 14/08/2026 at: <http://www.phuthotourist.vn>*

Tổng Giám đốc

General Director



Hoàng Văn Bá

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2026 ĐẾN NGÀY 30/6/2026



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 6
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	12 - 49

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ (sau đây được gọi là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Việt Anh	Chủ tịch	Bổ nhiệm từ 26/6/2026
Ông Phương Xuân Thụy	Thành viên	Bổ nhiệm từ 26/6/2026
Ông Nguyễn Lâm Tùng	Thành viên	Bổ nhiệm từ 26/6/2026
Ông Nguyễn Quốc Anh	Thành viên	Bổ nhiệm từ 26/6/2026
Ông Hoàng Văn Bá	Thành viên	Bổ nhiệm từ 26/6/2026
Ông Trương Minh Hậu	Thành viên	Bổ nhiệm từ 26/6/2026
Bà Nguyễn Hồng Thanh Lan	Thành viên	Bổ nhiệm từ 26/6/2026
Ông Nguyễn Đông Hòa	Thành viên	Miễn nhiệm từ 26/6/2026
Ông Nguyễn Tiến Đạt	Thành viên	Miễn nhiệm từ 26/6/2026

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	Trưởng ban	Bổ nhiệm từ 26/6/2026
Bà Bùi Thị Kim Tuyền	Thành viên	Bổ nhiệm từ 26/6/2026
Bà Lê Thị Bích Nga	Thành viên	Bổ nhiệm từ 26/6/2026
Bà Hồ Thị Ngọc Như	Thành viên	Miễn nhiệm từ 26/6/2026
Ông Nguyễn Quốc Tuệ	Thành viên	Miễn nhiệm từ 26/6/2026

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Hoàng Văn Bá	Tổng Giám đốc
Ông Lê Song Trọng Chinh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Hồng Thanh Lan	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Ngọc Cách	Kế toán trưởng

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ kế toán và cho đến khi Báo cáo tài chính giữa niên độ này được phê duyệt là ông Hoàng Văn Bá - Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Hoàng Văn Bá
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2026

Số: 888/2026/UHY - BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Về Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ (sau đây gọi tắt là "Công ty") gồm: Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ. Các Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập ngày 14 tháng 08 năm 2026, trình bày từ trang 07 đến trang 49 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ tại ngày 30/6/2026 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính giữa niên độ tới các nội dung sau đây:

- Như đã nêu tại thuyết minh số 29.1 - Thông tin khác của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ, đến thời điểm phát hành Báo cáo soát xét này, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ. Theo đó một số nội dung có liên quan sẽ phụ thuộc vào kết quả phê duyệt quyết toán cổ phần hóa của từ Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, bao gồm:
 - Phải thu giai đoạn trước cổ phần hóa với Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV số tiền 70.224.591.554 đồng (Thuyết minh 8(1));
 - Phải thu liên quan đến tiền thuê đất bổ sung cho giai đoạn trước cổ phần hóa 8(2) số tiền: 2.728.877.249 đồng; Tiền thuê đất truy thu và tiền phạt chậm nộp bị truy thu cho giai đoạn trước cổ phần hóa 8(3) số tiền: 106.940.609.957 đồng;
 - Các vấn đề về tranh chấp thương mại liên quan đến Trung tâm thương mại Bowling Đàm Sen (Thuyết minh 29.2).
- Như đã nêu tại thuyết minh số 29.2 - Thông tin khác của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ, liên quan đến tranh chấp thương mại với Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt, Tòa án Nhân dân Cấp cao Thành phố Hồ Chí Minh đã đưa ra các phán quyết cho các bên có liên quan, Công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo phán quyết của Tòa án. Tuy nhiên, Công ty vẫn đang ghi nhận công nợ phải thu, phải trả liên quan đến vụ việc này mà chưa thực hiện các điều chỉnh kế toán tương ứng do Báo cáo kiểm toán Nhà nước khu vực XIII về Quyết toán Giá trị phần vốn Nhà nước tại Công ty có lưu ý rằng các khoản phải thu, phải trả liên quan đến vấn đề này có thể ảnh hưởng đến quyết toán giá trị phần vốn Nhà nước khi cổ phần hóa.
- Như đã nêu tại thuyết minh số 29.3 - Thông tin khác của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ, liên quan đến tranh chấp thương mại giữa Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ, Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Hùng Đại Dương và bên có quyền và nghĩa vụ liên đới là Văn phòng Thành ủy TP. Hồ Chí Minh, Công ty chưa thực hiện các điều chỉnh kế toán liên quan đến khoản các khoản công nợ phát sinh từ vụ việc này do Tòa án Nhân dân TP. Hồ Chí Minh đã phán quyết hủy bản án sơ thẩm và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân khu vực 1, thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Đến thời điểm Báo cáo tài chính giữa niên độ này được phê duyệt, vụ việc đang trong quá trình thực hiện các thủ tục tố tụng theo quy định.
- Như đã nêu tại thuyết minh số 29.4 - Thông tin khác của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ, liên quan đến tranh chấp tiền thuê mặt bằng, nhà đất từ Văn phòng Thành ủy TP. Hồ Chí Minh, Công ty chưa thực hiện các điều chỉnh kế toán liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ phát sinh từ vụ việc này do Tòa án Nhân dân TP. Hồ Chí Minh đã tiếp nhận đơn kháng cáo của Công ty về việc kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 04/2026/KDTM-ST ngày 9/3/2026, và ra quyết định xét xử phúc thẩm vụ việc. Đến thời điểm phát hành Báo cáo soát xét này, Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh chưa ban hành bản án phúc thẩm đối với vụ việc.
- Như đã nêu tại thuyết minh số 29.5 - Thông tin khác của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty đang làm việc với Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh để xác định nguồn gốc của khoản tiền phạt chậm nộp 1.747.861.053 VND theo Thông báo số 197536/TB-CTTPHCM-KĐT ngày 10/07/2024. Công ty chưa thực hiện các điều chỉnh kế toán liên đến khoản phạt chậm nộp nêu trên do chưa nhận được phản hồi chính thức từ Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh.

Các vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi Kết luận đã nêu của chúng tôi.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2025 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được đơn vị kiểm toán khác soát xét/kiểm toán và đưa ra kết luận/ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần và có vấn đề nhấn mạnh theo Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ số 140825.010/BCTC.HCM ngày 14/8/2025 và báo cáo kiểm toán độc lập số 240326.003/BCTC.HCM ngày 24/3/2026.



Lê Quang Nghĩa
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 3660-2026-112-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/6/2026

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		284.844.480.144	326.440.839.681
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	3.912.112.411	6.054.146.587
Tiền	111		3.912.112.411	6.054.146.587
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7	245.015.195.724	281.148.743.808
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		245.015.195.724	281.148.743.808
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.050.259.958	5.220.590.205
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	5.930.578.595	3.174.955.340
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		683.091.412	984.835.286
Phải thu ngắn hạn khác	135	8	2.554.510.433	1.178.720.161
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	10	(136.818.182)	(136.818.182)
Tài sản thiếu chờ xử lý	137		18.897.600	18.897.600
Hàng tồn kho	140	11	2.050.974.481	1.648.079.631
Hàng tồn kho	141		2.050.974.481	1.648.079.631
Tài sản ngắn hạn khác	160		24.815.937.670	32.369.279.450
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	9	2.434.310.377	1.425.727.148
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	17	22.381.627.293	30.943.552.302
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		623.281.603.946	597.091.982.691
Các khoản phải thu dài hạn	210		193.334.531.759	193.334.531.759
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	12.497.829.917	12.497.829.917
Phải thu dài hạn khác	215	8	199.364.531.759	199.364.531.759
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216	10	(18.527.829.917)	(18.527.829.917)
Tài sản cố định	220		83.505.720.331	91.288.550.327
Tài sản cố định hữu hình	221	12	82.859.755.837	91.187.681.831
- Nguyên giá	222		628.515.929.174	626.582.765.637
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(545.656.173.337)	(535.395.083.806)
Tài sản cố định vô hình	227	14	645.964.494	100.868.496
- Nguyên giá	228		31.276.290.450	30.619.998.950
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(30.630.325.956)	(30.519.130.454)
Tài sản dở dang dài hạn	250		8.011.379.217	8.020.379.217
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	13	8.011.379.217	8.020.379.217
Đầu tư tài chính dài hạn	260	7	319.899.021.822	285.063.706.756
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		253.277.125.000	253.277.125.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		33.605.592.683	33.605.592.683
Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		(1.819.010.927)	(1.819.010.927)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		34.835.315.066	-
Tài sản dài hạn khác	270		18.530.950.817	19.384.814.632
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	9	18.530.950.817	19.384.814.632
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		908.126.084.090	923.532.822.372

118
TY
ÂN
LỊCH
HỌ
CHỈ

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Tại ngày 30/6/2026

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		53.311.439.115	55.926.899.525
Nợ ngắn hạn	310		21.168.051.202	23.810.511.612
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	8.631.691.644	8.534.642.353
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		237.367.400	34.956.000
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		175.753.610	177.558.610
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	16	1.585.351.940	579.989.707
Phải trả người lao động	315		3.253.429.900	6.715.724.200
Chi phí phải trả ngắn hạn	316	17	5.132.727.291	5.132.727.291
Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		265.186.935	339.692.992
Phải trả ngắn hạn khác	320	18	1.881.994.494	2.287.572.471
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.547.988	7.647.988
Nợ dài hạn	330		32.143.387.913	32.116.387.913
Phải trả dài hạn khác	338	18	32.143.387.913	32.116.387.913
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	19	854.814.644.975	867.605.922.847
Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.186.840.000.000	1.186.840.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.186.840.000.000	1.186.840.000.000
Thặng dư vốn	412		69.686.924.280	69.686.924.280
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(401.712.279.305)	(388.921.001.433)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		(388.921.001.433)	(331.960.564.757)
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		(12.791.277.872)	(56.960.436.676)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		908.126.084.090	923.532.822.372

Phê duyệt, ngày 14 tháng 08 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Thị Thu Hương

Huỳnh Ngọc Cách

Hoàng Văn Bá



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	96.868.265.106	90.741.640.327
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		96.868.265.106	90.741.640.327
Giá vốn hàng bán	11	21	127.571.686.486	115.042.459.449
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(30.703.421.380)	(24.300.819.122)
Doanh thu hoạt động tài chính	22	22	28.548.829.374	18.675.860.369
Chi phí tài chính	23		-	10.509.589
Chi phí bán hàng	25	23	3.155.354.280	1.896.266.127
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	7.518.457.709	7.117.000.335
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(12.828.403.995)	(14.648.734.804)
Thu nhập khác	31		37.368.010	57.503.927
Chi phí khác	32		241.887	40.200
Lợi nhuận khác	40		37.126.123	57.463.727
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(12.791.277.872)	(14.591.271.077)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(12.791.277.872)	(14.591.271.077)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	(108)	(123)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	27	(108)	(123)

Phê duyệt, ngày 14 tháng 08 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Thị Thu Hương

Huỳnh Ngọc Cách

Hoàng Văn Bá



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		(12.791.277.872)	(14.591.271.077)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		10.372.285.033	11.575.981.896
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(28.548.829.374)	(18.675.860.369)
Chi phí lãi vay	06		-	10.509.589
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(30.967.822.213)	(21.680.639.961)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		6.447.890.356	(50.230.403.014)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(402.894.850)	574.353.193
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(2.604.655.410)	26.112.862.374
Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(154.719.414)	1.692.594.903
Chi phí lãi vay đã trả	14		-	(10.509.589)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(27.682.201.531)	(43.541.742.094)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.589.455.037)	(6.621.604.540)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(224.500.000.000)	(55.500.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		221.500.000.000	46.000.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		31.131.427.392	19.356.580.819
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		25.541.972.355	3.234.976.279

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		-	4.000.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(4.000.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.805.000)	(9.690.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.805.000)	(9.690.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(2.142.034.176)	(40.316.455.815)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	6.054.146.587	45.409.601.172
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	3.912.112.411	5.093.145.357

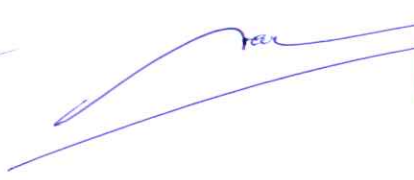
Phê duyệt, ngày 14 tháng 08 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Trần Thị Thu Hương


Huỳnh Ngọc Cách


Hoàng Văn Bá



1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Tiền thân Công ty là Chi nhánh Dịch vụ Du lịch Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, được thành lập theo Quyết định số 205/QĐ-UB ngày 10/10/1988 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Quyết định số 287/QĐ-UB ngày 17/08/1990 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Chi nhánh Dịch vụ Du lịch Quận 11 được chuyển thành Công ty Dịch vụ Du lịch Phú Thọ trực thuộc Ủy ban Nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Quyết định số 5518/QĐ-UB ngày 31/12/2002 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Dịch vụ Du lịch Phú Thọ được chuyển thành doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn. Theo Quyết định số 2397/QĐ-UBND ngày 26/05/2006 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Dịch vụ Du lịch Phú Thọ được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0301074118 cấp lần đầu ngày 21/07/2006.

Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301074118 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 17 tháng 05 năm 2016. Hiện nay, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 ngày 17 tháng 05 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 3 Hòa Bình, Phường Bình Thới, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 1.186.840.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30/06/2026 là 1.186.840.000.000 VND; tương đương 118.684.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2026 là 443 người (tại ngày 01/01/2026 là 443 người).

LĨNH VỰC KINH DOANH

Kinh doanh dịch vụ vui chơi giải trí, nhà hàng, khách sạn, lữ hành,...

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Tổ chức kinh doanh các dịch vụ du lịch, vui chơi, giải trí, văn hóa nghệ thuật, thể dục thể thao, dịch vụ du lịch sinh thái rừng ngập mặn;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn;
- Kinh doanh nhà hàng; ăn uống;
- Kinh doanh xông hơi xoa bóp, karaoke;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành quốc tế, nội địa.

CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường là trong vòng 12 tháng.

CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen. Công ty liên kết có trụ sở chính tại thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là kinh doanh công viên giải trí. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 33,54%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ	Hồ Chí Minh	Văn phòng đại diện
Trung tâm Dịch vụ Du lịch Đầm Sen	Hồ Chí Minh	Dịch vụ lữ hành
Khách sạn Phú Thọ	Hồ Chí Minh	Dịch vụ lưu trú, ăn uống
Khu du lịch sinh thái Rừng ngập mặn Vàm Sát	Hồ Chí Minh	Dịch vụ vui chơi, giải trí
Công viên văn hóa Đầm Sen	Hồ Chí Minh	Dịch vụ vui chơi, giải trí

TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Như đã trình bày tại thuyết minh số 3, kể từ ngày 01/01/2026 Công ty đã áp dụng Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài Chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Theo đó, Công ty đã cập nhật một số chính sách kế toán liên quan đến phân loại và ghi nhận các khoản đầu tư tài chính, xử lý chênh lệch tỷ giá và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Các thay đổi về chính sách kế toán được thực hiện nhằm phản ánh phù hợp hơn bản chất của các giao dịch và sự kiện kinh tế, không làm thay đổi đáng kể tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty tại ngày 30/6/2026, ngoại trừ các thay đổi về trình bày và thuyết minh.

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026 là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025 đã được soát xét và hoàn toàn có thể so sánh được.

2. NĂM TÀI CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Doanh nghiệp áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN, ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN VÀ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ÁP DỤNG**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Các khoản đầu tư tài chính***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm của Công ty bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác là các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác nhưng Công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn nợ gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng; được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:
Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán và hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập tại thời điểm lập báo cáo và hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào vị trí và trạng thái cần thiết để có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
- Máy móc, thiết bị	03 - 07
- Phương tiện vận tải	03 - 07
- Thiết bị văn phòng	03 - 05
- Các tài sản khác	04 – 15

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào vị trí và trạng thái cần thiết để có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm kế toán, phần mềm quản lý... Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế, tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao 03 – 10 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản (XDCCB) dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích kinh doanh và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

Trường hợp công trình, hạng mục công trình mà Công ty đang đầu tư xây dựng nhưng không thể tiếp tục triển khai được dự án thì Công ty căn cứ vào tình hình thực tiễn để đánh giá khả năng thu hồi của các khoản chi phí đầu tư XDCCB đã bỏ ra, phần chênh lệch nếu có sẽ được hạch toán vào kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong kỳ.

Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ của Công ty bao gồm các chi phí sau:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 năm đến 03 năm;
- Chi phí chờ phân bổ khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng dưới 36 tháng.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Doanh thu chờ phân bổ

Doanh thu chờ phân bổ gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ massage...

Doanh thu chờ phân bổ được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

Vốn chủ sở hữu***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu mua lại của chính mình và cầu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu mua lại của chính mình được ghi giảm thặng dư vốn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu, các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và Danh sách cổ đông được hưởng quyền nhận cổ tức được xác lập bởi Trung tâm Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam

Ghi nhận doanh thu và chi phí***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Ghi nhận chi phí

Giá vốn được ghi nhận khi các chi phí liên quan đến việc tạo ra doanh thu đã phát sinh và có thể xác định một cách đáng tin cậy, phù hợp với doanh thu tương ứng theo nguyên tắc phù hợp, không phụ thuộc vào thời điểm chi trả. Trường hợp cần thiết, các khoản chi phí có liên quan trực tiếp đến doanh thu trong năm được ước tính và ghi nhận trên cơ sở các giả định hợp lý và nhất quán. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí ngoài giá vốn bao gồm chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và các chi phí hoạt động khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trên cơ sở phù hợp với doanh thu liên quan và không phụ thuộc vào thời điểm chi trả. Các khoản chi phí này được ghi nhận khi có đầy đủ bằng chứng về việc phát sinh nghĩa vụ và có thể xác định một cách đáng tin cậy.

Các khoản chi phí không mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai được ghi nhận ngay vào chi phí trong năm theo nguyên tắc thận trọng. Các khoản chi phí được phân loại và trình bày phù hợp với bản chất kinh tế của từng loại chi phí theo quy định của chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành.

HIZ
TY
ÂN
LỊCH
IO
CHI

Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội và Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ, một số dịch vụ của Công ty được giảm thuế GTGT từ 10% xuống 8% kể từ ngày 01/07/2025 đến hết ngày 31/12/2026.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các loại thuế khác được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Công ty có hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí. Các hoạt động này được thực hiện theo một quy trình chung và hoạt động trên một khu vực địa lý duy nhất (thành phố Hồ Chí Minh). Do đó, theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận, Công ty không cần lập Báo cáo bộ phận.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp đang nắm giữ nhưng không bị hạn chế sử dụng.

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
- Tiền mặt	921.368.000	1.486.388.000
- Tiền gửi không kỳ hạn	2.966.063.095	4.536.382.638
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương	2.005.579.628	3.463.563.209
+ Các ngân hàng khác	960.483.467	1.072.819.429
- Tiền đang chuyển	24.681.316	31.375.949
Cộng	3.912.112.411	6.054.146.587

6. PHẢI THU NGÁN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND
Ngán hạn	5.930.578.595	-	3.174.955.340	-
- Phải thu khách hàng là bên liên quan (*)	1.051.634.546	-	454.243.400	-
- Phải thu khách hàng khác	4.878.944.049	-	2.720.711.940	-
Ban quản lý rừng phòng hộ đặc dụng thành phố Hồ Chí Minh	2.207.619.750	-	1.102.501.000	-
Các đối tượng khác	2.671.324.299	-	1.618.210.940	-
Dãi hạn	12.497.829.917	(11.677.829.917)	12.497.829.917	(11.677.829.917)
- Phải thu khách hàng khác	12.497.829.917	(11.677.829.917)	12.497.829.917	(11.677.829.917)
Công ty cổ phần Thương mại và Sản xuất Hùng Đại Dương (1)	9.619.339.517	(9.019.339.517)	9.619.339.517	(9.019.339.517)
Công ty TNHH chăm sóc sức khỏe Nhất Phẩm Hoàng Gia	2.471.730.400	(2.251.730.400)	2.471.730.400	(2.251.730.400)
Các đối tượng khác	406.760.000	(406.760.000)	406.760.000	(406.760.000)
Cộng	18.428.408.512	(11.677.829.917)	15.672.785.257	(11.677.829.917)

(*) Chi tiết số dư với Bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 28.3.

(1) Chi tiết tại: Thuyết minh 29.3.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ

Mẫu số B09-DN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

7.1. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị dự phòng VND
Ngắn hạn	245.015.195.724	245.015.195.724	-	281.148.743.808	281.148.743.808	-
- Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng	245.015.195.724	245.015.195.724	-	281.148.743.808	281.148.743.808	-
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương	507.828.767	507.828.767		517.804.111	517.804.111	
+ Ngân hàng TMCP Việt Á - chi nhánh Lạc Long Quân	146.180.769.697	146.180.769.697	-	165.473.271.204	165.473.271.204	-
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tin	-	-	-	4.039.408.220	4.039.408.220	-
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	98.326.597.260	98.326.597.260	-	111.118.260.273	111.118.260.273	-
Dài hạn	34.835.315.066	34.835.315.066	-	-	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn có kỳ hạn 13 tháng	34.835.315.066	34.835.315.066	-	-	-	-
+ Ngân hàng TMCP Việt Á - chi nhánh Lạc Long Quân	7.011.947.943	7.011.947.943	-	-	-	-
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	27.823.367.123	27.823.367.123	-	-	-	-
Cộng	279.850.510.790	279.850.510.790	-	281.148.743.808	281.148.743.808	-

7.2. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	253.277.125.000	253.277.125.000	253.277.125.000	-
Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen (*)	253.277.125.000	253.277.125.000	253.277.125.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác	33.605.592.683	31.786.581.756	33.605.592.683	(1.819.010.927)
Công ty Cổ phần Sài Gòn Đà Lạt	29.442.390.096	29.442.390.096	29.442.390.096	-
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Đồng Hà	4.163.202.587	2.344.191.660	4.163.202.587	2.344.191.660
Cộng	286.882.717.683	285.063.706.756	286.882.717.683	(1.819.010.927)

(*) Giá gốc của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen được xác định lại theo phương án chuyển đổi Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ thuộc Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV thành công ty cổ phần được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt theo Quyết định số 6321/QĐ-UBND ngày 30/11/2015.

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND
Ngắn hạn	2.554.510.433	(136.818.182)	1.178.720.161	(136.818.182)
- Cổ tức được nhận - Công ty CP Sài Gòn - Đà Lạt	1.715.635.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Hùng Đại Dương (5)	195.454.545	(136.818.182)	195.454.545	(136.818.182)
- Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	397.303.404	-	539.129.568	-
- Các khoản khác	246.117.484	-	444.136.048	-
Dài hạn	199.364.531.759	(6.850.000.000)	199.364.531.759	(6.850.000.000)
- Phải thu giai đoạn trước cổ phần hóa (1)	70.224.591.554	-	70.224.591.554	-
- Phải thu về cổ phần hóa	109.669.487.206	-	109.669.487.206	-
<i>Tiền thuê đất bổ sung giai đoạn trước cổ phần hóa (2)</i>	<i>2.728.877.249</i>	<i>-</i>	<i>2.728.877.249</i>	<i>-</i>
<i>Tiền thuê đất và tiền phạt chậm nộp bị truy thu cho giai đoạn trước cổ phần hóa (3)</i>	<i>106.940.609.957</i>	<i>-</i>	<i>106.940.609.957</i>	<i>-</i>
- Phải thu liên quan đến Trung tâm thương mại Bowling Đàm Sen (4)	18.430.452.999	(6.800.000.000)	18.430.452.999	(6.800.000.000)
- Các khoản khác	1.040.000.000	(50.000.000)	1.040.000.000	(50.000.000)
Cộng	201.919.042.192	(6.986.818.182)	200.543.251.920	(6.986.818.182)

(1) Khoản phải thu giai đoạn trước cổ phần hóa với Tổng Công ty Du Lịch Sài Gòn – TNHH MTV (“Tổng Công ty”)

Bao gồm các khoản phải thu, phải trả trong giai đoạn trước khi Công ty cổ phần hóa, cụ thể:

Nội dung	Căn cứ	Số tiền VND
Giảm lợi nhuận chưa phân phối giai đoạn chuyển thể nộp về Tổng Công ty	Kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước khu vực XIII tại Báo cáo kiểm toán Quyết toán phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần tại Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ (nay là Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ) ngày 18/06/2020	75.271.406.874
Phải nộp về Tổng Công ty tiền lãi ngân hàng do chậm nộp tiền lợi nhuận		(12.652.068.169)
Khoản cổ tức phải nộp về Tổng Công ty do nhận cổ tức trong giai đoạn trước cổ phần hóa	Công văn số 319/KV XIII-TH ngày 23/07/2021, Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII thống nhất không kiến nghị nộp về Tổng Công ty khoản cổ tức trong giai đoạn trước cổ phần hóa	7.605.252.849
Tổng cộng (*)		70.224.591.554

(*) Căn cứ Kết luận kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước khu vực XIII tại Báo cáo kiểm toán Quyết toán phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần tại Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ (nay là Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ) ngày 18/06/2020, Công văn số 319/KV XIII-TH ngày 23/07/2021 của Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII thống nhất không kiến nghị nộp về Tổng Công ty khoản cổ tức trong giai đoạn trước cổ phần hóa và Công văn số 475/CV-TCT ngày 22/04/2022 xác nhận nghĩa vụ tài chính của TCT Du lịch Sài Gòn với Công ty.

(2) Phải thu liên quan đến tiền thuê đất bổ sung cho giai đoạn trước cổ phần hóa

Công ty đã thực hiện nộp bổ sung các khoản tiền thuê đất theo các thông báo của Chi cục thuế Quận 11 căn cứ Công văn số 250a/KV IV-TH ngày 03/05/2019 của Kiểm toán Nhà nước IV về việc kiến nghị tăng thu Ngân sách Nhà nước, bao gồm:

Nội dung	Số tiền VND
Tiền thuê đất của Khu đất Công viên Đàm Sen, số 3 Hòa Bình, Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 16/05/2016	2.168.870.000
Tiền thuê đất của Khu Du lịch Sinh thái Rừng Ngập mặn Vàm Sát, Huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh cho giai đoạn từ 2010 đến ngày 16/05/2016	560.007.249
Tổng cộng	2.728.877.249

Đây là khoản chi phí tiền thuê đất bổ sung cho giai đoạn trước cổ phần hóa. Ngày 05/08/2019, Công ty lập thông báo số 097/CV-2019 gửi Tổng Công ty để thông báo về số tiền thuê đất bổ sung giai đoạn trước cổ phần hóa nêu trên. Việc tất toán tiền thuê đất này vẫn đang chờ chỉ đạo xử lý tài chính từ Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Tổng Công ty.

(3) Tiền thuế đất truy thu và tiền phạt chậm nộp cho giai đoạn trước cổ phần hóa

Trong năm 2024 và 2025, Công ty đã tạm nộp theo các thông báo của Chi cục thuế Quận 11 số tiền thuế đất truy thu và tiền phạt chậm nộp tương ứng với tổng số tiền là 106.940.609.957 đồng. Khoản tiền này phát sinh từ khác biệt trong việc xác định tiền thuế đất của Công ty chủ yếu trong giai đoạn trước cổ phần hóa, giữa Báo cáo Kiểm toán Quyết toán Giá trị phần Vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần tại Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ (nay là Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ) ngày 18 tháng 6 năm 2020 ("Báo cáo Kiểm toán Quyết toán Giá trị phần Vốn Nhà nước") và các thông báo tiền thuế đất của Chi cục thuế Quận 11. Cụ thể như sau:

Nội dung	Số thông báo/Quyết định	Chi cục thuế Quận 11 (I)	Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII (*) (II)	Chênh lệch (III) = (I) - (II)	Công ty đã nộp NSNN (IV)	Ghi chú về các khoản nộp NSNN
Tiền thuế đất giai đoạn trước khi xác định giá trị doanh nghiệp (GTDN)	Thông báo Số 337/TB-CCT ban hành ngày 31/3/2020 về việc nộp bổ sung tiền thuế đất từ ngày 1/1/1996 đến 30/6/2014 đối với khu đất Công viên Đàm Sen của Chi cục thuế Quận 11	162.470.761.414	-	162.470.761.414		KTNN KV XIII xác định giá trị tiền thuế đất bổ sung cho giai đoạn này là 130.634.137.200 đồng nhưng không đề nghị xử lý tài chính truy thu số tiền này.
Từ xác định GTDN đến khi chính thức cổ phần hóa (CPH)	Thông báo Số 338/TB-CCT ban hành ngày 31/3/2020 về việc nộp bổ sung tiền thuế đất từ ngày 1/7/2014 đến 16/5/2016 đối với khu đất Công viên Đàm Sen của Chi cục thuế Quận 11	40.117.912.031	105.254.993.118	(65.137.081.087)	105.254.993.118	Nộp NSNN theo Kiến nghị của KTNN Khu vực XIII đã nêu trong Báo cáo Kiểm toán Quyết toán Giá trị phần Vốn Nhà nước

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Nội dung	Số thông báo/Quyết định	Chi cục thuế Quận 11 (I)	Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII (*) (II)	Chênh lệch (III) = (I) - (II)	Công ty đã nộp NSNN (IV)	Ghi chú về các khoản nộp NSNN
Giai đoạn sau cổ phần hóa:						
Số 79-83 Hòa Bình, phường 3, Q11	Thông báo Số 714/TB-CCCT ban hành ngày 21 tháng 5 năm 2020 về việc nộp bổ sung tiền thuế đất từ ngày 17 tháng 5 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019	90.399.050.336 1.286.757.180	104.158.511.844	(13.759.461.508) 1.286.757.180	105.699.027.416 1.286.757.180	Nộp NSNN theo Thông báo của Chi cục thuế Quận 11
Số 915 (527) đường 3/2, p7, Q11	Thông báo Số 713/TB-CCCT ban hành ngày 21 tháng 5 năm 2020 về việc nộp bổ sung tiền thuế đất từ ngày 17 tháng 5 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019	798.725.360	544.966.968	253.758.392	798.725.360	Nộp NSNN theo Thông báo của Chi cục thuế Quận 11
CV Nước Đầm Sen, p3, Q11	Thông báo Số 1796/TB-CCCT ban hành ngày 28 tháng 8 năm 2020 về việc nộp bổ sung tiền thuế đất từ ngày 17 tháng 5 năm 2016 đến ngày 1 tháng 7 năm 2018 của Chi cục thuế Quận 11 với khu đất Công viên nước Đầm Sen	2.187.394.031	17.487.371.110	(15.299.977.079)	17.487.371.110	Nộp NSNN theo Kiến nghị của KTNN Khu vực XIII đã nêu trong Báo cáo Kiểm toán Quyết toán Giá trị phần Vốn Nhà nước
Số 3 Hòa Bình, p3, Q11	Thông báo Số 1729/TB-CCCTQ11 ngày 3 tháng 11 năm 2021 thay thế Thông báo 170/TB-CCCTQ11 ngày 3/2/2021 về việc tạm nộp bổ sung theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII tại Báo cáo Kiểm toán Quyết toán Giá trị Phần Vốn Nhà nước ngày 18/6/2020 cho giai đoạn từ ngày 17/5/2016 đến ngày 31/12/2019	86.126.173.765	86.126.173.766	(1)	86.126.173.766	Nộp NSNN theo Kiến nghị của KTNN Khu vực XIII đã nêu trong Báo cáo Kiểm toán Quyết toán Giá trị phần Vốn Nhà nước
	Tổng cộng	292.987.723.781 82.033.703.247	209.413.504.962	83.574.218.819	210.954.020.534 82.033.703.247	Nộp NSNN trong năm 2024 và 2025 theo các Thông báo và Quyết định cưỡng chế của Chi cục Thuế Quận 11

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Nội dung	Số thông báo/Quyết định	Chi cục thuế Quận 11 (I)	Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII (*) (II)	Chênh lệch (III) = (I) - (II)	Công ty đã nộp NSNN (IV)	Ghi chú về các khoản nộp NSNN
Tổng tiền phạt chậm nộp mà Công ty đã nộp NSNN theo các thông báo của Chi cục thuế Quận 11 (B)	Thông báo số 47630/TB-CCT ngày 18/7/2024 Thông báo tiền nợ thuế của Chi cục thuế Quận 11	20.105.745.012			20.105.745.012	Nộp NSNN trong năm 2024 và 2025 theo các Thông báo và Quyết định cưỡng chế của Chi cục Thuế Quận 11
	Thông báo số 83898/TB-CCT ngày 9/12/2024 Thông báo tiền nợ thuế của Chi cục thuế Quận 11, trong đó	3.437.798.698			3.437.798.698	
	Thông báo số 4009/TB-CCT ngày 10/2/2025 Thông báo tiền nợ thuế của Chi cục thuế Quận 11	1.363.363.000			1.363.363.000	
	Tổng cộng	24.906.906.710			24.906.906.710	
Tổng giá trị các khoản truy thu tiền thuế đất và tiền phạt chậm nộp Công ty đã thực hiện nộp NSNN theo các thông báo và quyết định của Chi cục Thuế Quận 11 (bảng (A) + (B)) (***)		106.940.609.957			106.940.609.957	

(*) Số liệu được trình bày căn cứ theo Báo cáo Kiểm toán Quyết toán Giá trị phần Vốn Nhà nước tại Thời điểm Chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần tại Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ (nay là Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ) ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII ("Báo cáo Kiểm toán Quyết toán Giá trị phần Vốn Nhà nước").



- (**) Công ty đã hoàn thành việc nộp NSNN theo Kiến nghị tại Báo cáo Kiểm toán Quyết toán Giá trị phần Vốn Nhà nước tổng cộng là 209.413.504.962 đồng cho hai giai đoạn bao gồm: Từ thời điểm xác định GTDN đến cổ phần hóa số tiền 105.254.993.118 đồng; và giai đoạn sau cổ phần hóa số tiền 104.158.511.844 đồng.

Tuy nhiên, Chi cục Thuế Quận 11 chưa ghi bộ số tiền thuế đất truy thu theo Kết luận Kiến nghị của KTNN khu vực XIII mà đã tự động bù trừ một phần của khoản nộp NSNN này, cho tiền thuế đất theo thông báo của Chi cục Thuế Quận 11 tại Thông báo số 337 ngày 31/3/2020; số 338 ngày 31/3/2020 và số 1796 ngày 28/8/2020. Cụ thể như sau:

Giai đoạn	Nội dung	Số tiền VND
Trước xác định GTDN	Thông báo Số 337/TB-CCT ban hành ngày 31/3/2020 về việc nộp bổ sung tiền thuế đất từ ngày 1/1/1996 đến 30/6/2014 đối với khu đất Công viên Đàm Sen của Chi cục thuế Quận 11	162.470.761.414
Từ xác định GTDN đến chính thức cổ phần hóa	Thông báo Số 338/TB-CCT ban hành ngày 31/3/2020 về việc nộp bổ sung tiền thuế đất từ ngày 1/7/2014 đến 16/5/2016 đối với khu đất Công viên Đàm Sen của Chi cục thuế Quận 11	40.117.912.031
Sau khi chính thức CPH	Thông báo Số 1796/TB-CCT ban hành ngày 28 tháng 8 năm 2020 về việc nộp bổ sung tiền thuế đất từ ngày 17 tháng 5 năm 2016 đến ngày 1 tháng 7 năm 2018 của Chi cục thuế Quận 11 với khu đất Công viên nước Đàm Sen	2.187.394.031
Từ xác định GTDN đến chính thức cổ phần hóa	Cơ quan thuế đã tự bù trừ khoản tiền Công ty đã thực hiện theo Kiến nghị của KTNN Khu vực XIII vào NSNN năm 2020 cho giai đoạn 01/07/2014 – 16/05/2016	(105.254.993.118)
Sau khi chính thức CPH	Cơ quan thuế đã tự bù trừ khoản tiền Công ty đã thực hiện theo Kiến nghị của KTNN Khu vực XIII vào NSNN năm 2020 cho giai đoạn từ tháng 6/2016 - 6/2018	(17.487.371.110)
	Chênh lệch do làm tròn	(1)
	Tổng cộng	82.033.703.247

- (***) Chi cục thuế Quận 11 xác định số tiền thuế đất cần truy thu của Công ty là 82.033.703.247 đồng và khoản tiền phạt chậm nộp là 24.906.906.710 đồng phát sinh từ nhiều khoản tiền thuế đất phải nộp theo thông báo của cơ quan thuế. Trong năm 2024 và 2025, Công ty đã hoàn thành việc nộp NSNN đối với khoản truy thu và phạt chậm nộp nêu trên.

Công ty không chấp nhận nghĩa vụ theo các thông báo này của Chi cục Thuế Quận 11 với lý do Công ty đã thực hiện nộp đầy đủ vào ngân sách theo Kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII nên Công ty đã nộp đơn khởi kiện Chi cục thuế Quận 11 lên Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhưng đã bị bác yêu cầu khởi kiện theo Bản án sơ thẩm số 279/2024/HC-ST ngày 12/07/2024. Sau khi có Bản án sơ thẩm, Công ty đã tiếp tục kháng cáo.

Theo Bản án số 1277/2024/HC-PT ngày 17/12/2024, Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã ra quyết định phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của Công ty, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Công ty xác định đây là các khoản nộp NSNN liên quan đến giai đoạn trước cổ phần hóa. Do đó, việc tất toán các khoản nộp NSNN này vẫn đang chờ chỉ đạo xử lý tài chính từ Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

(4) Khoản phải thu liên quan đến Trung tâm Thương mại Bowling Đầm Sen

Bao gồm các khoản phải thu liên quan đến Hợp đồng Hợp tác Liên doanh số 22/HĐ-96 giữa Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ (Tiền thân của Công ty, sau đây gọi tắt là "Công ty TNHH MTV") và Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt ("Công ty Chí Đạt") để thành lập Trung tâm Thương mại Bowling Đầm Sen, và kết quả của Bản án số 27/2020/KDTM-PT ngày 25/06/2020 của Tòa án Nhân dân Cấp cao Thành phố Hồ Chí Minh về vụ tranh chấp thương mại giữa Công ty Chí Đạt và Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Kexim Việt Nam, tên cũ là Công ty Cho thuê Tài chính Kexim Việt Nam ("Công ty Kexim") mà Công ty TNHH MTV là bên chịu trách nhiệm liên đới (Thuyết minh 29.2). Cụ thể:

Nội dung	Số tiền VND
Các khoản phải thu Công ty Chí Đạt về kết quả hoạt động của Hợp đồng Hợp tác Liên doanh số 22/HĐ-96	11.187.656.948
Phải thu Văn phòng Luật sư An Thái	200.000.000
Khoản đền bù thiệt hại cho Công ty Kexim và phần án phí mà Công ty TNHH MTV phải chịu theo phán quyết tại Bản án số 27/2020/KDTM-PT ngày 25/06/2020	7.042.796.051
Tổng cộng	18.430.452.999

- (5) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Hùng Đại Dương liên quan đến các chi phí di dời, tháo dỡ và lập vi bằng hiện trạng Khách sạn Ngọc Lan. Giá trị nêu trên chưa bao gồm thuế GTGT. (Thuyết minh 29.3).

9. CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỐ**9.1 CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỐ NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
- Công cụ, dụng cụ	253.287.236	126.706.861
- Chi phí sửa chữa	1.577.144.042	1.108.278.438
- Chi phí trả trước chờ phân bổ khác	603.879.099	190.741.849
Cộng	2.434.310.377	1.425.727.148

9.2 CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỐ DÀI HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
- Chi phí khấu hao Trung tâm Thương mại Bowling Đầm Sen (*)	6.995.003.594	6.995.003.594
- Công cụ, dụng cụ	2.458.135.988	2.409.592.196
Chi phí sửa chữa	7.746.950.945	8.557.236.692
- Chi phí trả trước chờ phân bổ khác	1.330.860.290	1.422.982.150
Cộng	18.530.950.817	19.384.814.632

- (*) Chi phí khấu hao của tài sản cố định dùng cho hoạt động kinh doanh Bowling tại Trung tâm Thương mại Bowling Đầm Sen giai đoạn từ năm 1998 đến năm 2010. (Thuyết minh 29.2)

10. NỢ XẤU

	Số cuối kỳ VND			Số đầu kỳ VND		
	Giá trị gốc nợ	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá trị gốc nợ	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
Phải thu khách hàng	12.497.829.917	820.000.000	11.677.829.917	12.497.829.917	820.000.000	11.677.829.917
Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Hùng Đại Dương	9.619.339.517	600.000.000	9.019.339.517	9.619.339.517	600.000.000	9.019.339.517
Công ty TNHH Chăm sóc sức khỏe Nhất Phẩm Hoàng Gia	2.471.730.400	220.000.000	2.251.730.400	2.471.730.400	220.000.000	2.251.730.400
Các đối tượng khác	406.760.000	-	406.760.000	406.760.000	-	406.760.000
Phải thu khác	7.045.454.545	58.636.363	6.986.818.182	7.045.454.545	58.636.363	6.986.818.182
Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt	6.600.000.000	-	6.600.000.000	6.600.000.000	-	6.600.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Hùng Đại Dương	195.454.545	58.636.363	136.818.182	195.454.545	58.636.363	136.818.182
Các đối tượng khác	250.000.000	-	250.000.000	250.000.000	-	250.000.000
Cộng	19.543.284.462	878.636.363	18.664.648.099	19.543.284.462	878.636.363	18.664.648.099

11. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ VND		Số đầu kỳ VND	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	1.690.722.974	-	1.337.806.344	
- Hàng hóa	360.251.507		310.273.287	
Cộng	2.050.974.481	-	1.648.079.631	-

12. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	387.985.192.003	199.100.157.206	28.972.149.852	4.642.056.312	5.883.210.264	626.582.765.637
Mua trong kỳ	270.086.500	1.513.077.037	150.000.000	-	-	1.933.163.537
Số dư cuối kỳ	388.255.278.503	200.613.234.243	29.122.149.852	4.642.056.312	5.883.210.264	628.515.929.174
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	(320.919.959.079)	(179.143.933.053)	(26.258.838.870)	(4.613.992.053)	(4.458.360.751)	(535.395.083.806)
Khấu hao trong năm	(6.309.816.937)	(3.441.866.579)	(272.020.650)	(3.039.006)	(234.346.359)	(10.261.089.531)
Số dư cuối kỳ	(327.229.776.016)	(182.585.799.632)	(26.530.859.520)	(4.617.031.059)	(4.692.707.110)	(545.656.173.337)
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	67.065.232.924	19.956.224.153	2.713.310.982	28.064.259	1.424.849.513	91.187.681.831
Tại ngày cuối kỳ	61.025.502.487	18.027.434.611	2.591.290.332	25.025.253	1.190.503.154	82.859.755.837

Tại ngày 30/6/2026, nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 418.014.026.001 đồng (tại ngày 01/01/2026 là 415.442.723.303 đồng).

Không có các tài sản cố định hữu hình đang hiện hữu và đã thanh lý/nhượng bán/chuyển nhượng trong kỳ có nguyên giá từ 10% tổng giá trị tài sản cố định hữu hình trở lên cần thuyết minh chi tiết.

13. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các địa điểm kinh doanh của Công ty (*)	5.420.941.980	5.420.941.980	5.420.941.980	5.420.941.980
Quy hoạch kiến trúc, cảnh quan các địa điểm kinh doanh	3.626.471.525	3.626.471.525	3.626.471.525	3.626.471.525
Lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	1.794.470.455	1.794.470.455	1.794.470.455	1.794.470.455
Khu vui chơi nghỉ dưỡng sinh thái Đầm Sen - Ban Mé (**)	1.176.363.636	1.176.363.636	1.176.363.636	1.176.363.636
Các dự án khác	1.414.073.601	1.414.073.601	1.423.073.601	1.423.073.601
Cộng	8.011.379.217	8.011.379.217	8.020.379.217	8.020.379.217

- (*) Đến thời điểm Báo cáo tài chính giữa niên độ này được phê duyệt, Công ty vẫn đang tiếp tục triển khai các thủ tục để lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các địa điểm kinh doanh của Công ty.
- (**) Đến thời điểm Báo cáo tài chính giữa niên độ này được phê duyệt, Dự án Khu vui chơi nghỉ dưỡng sinh thái Đầm Sen – Ban Mé đang tạm dừng triển khai.

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng (*) VND	Chương trình phần mềm VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	27.524.748.727	3.095.250.223	30.619.998.950
Mua trong kỳ	-	656.291.500	656.291.500
Số dư cuối kỳ	27.524.748.727	3.751.541.723	31.276.290.450
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	(27.524.748.727)	(2.994.381.727)	(30.519.130.454)
Hao mòn trong kỳ	-	(111.195.502)	(111.195.502)
Số dư cuối kỳ	(27.524.748.727)	(3.105.577.229)	(30.630.325.956)
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	-	100.868.496	100.868.496
Tại ngày cuối kỳ	-	645.964.494	645.964.494

(*) Đây là các khoản chi phí giải tỏa mặt bằng tại Công viên văn hóa Đàm Sen phát sinh từ năm 1999 đến năm 2002 và đã được khấu hao hết trước giai đoạn xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty.

Tại ngày 30/6/2026, nguyên giá của các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 29.605.518.950 đồng (tại ngày 01/01/2026 là 29.605.518.950 đồng).

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Ngắn hạn	8.631.691.644	8.534.642.353
- Phải trả người bán là bên liên quan	996.000	192.000
Tổng Công ty Bảo hiểm Hùng Vương	996.000	192.000
- Phải trả người bán là các bên khác (*)	8.630.695.644	8.534.450.353
Cộng	8.631.691.644	8.534.642.353

(*) Không có đối tượng phải trả người bán nào chiếm trên 10% tổng giá trị khoản mục cần được thuyết minh chi tiết.

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ phải nộp VND	Số đầu kỳ phải thu VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Số cuối kỳ phải nộp VND	Số cuối kỳ phải thu VND
- Thuế GTGT đầu ra	517.802.107	-	4.655.463.993	4.255.909.181	917.356.919	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	60.608.400	-	296.129.330	310.762.212	45.975.518	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	-	22.378.333.395	-	-	-	22.378.333.395
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.293.898	-	-	-	3.293.898
- Thuế thu nhập cá nhân	-	20.990.325	246.433.875	181.022.375	44.421.175	-
- Thuế tài nguyên	1.579.200	-	9.890.720	9.525.600	1.944.320	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	8.540.934.684	43.866.253.628	35.325.318.944	-	-
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	575.654.008	-	575.654.008	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	5.884.709	5.884.709	-	-
Cộng	579.989.707	30.943.552.302	49.655.710.263	40.088.423.021	1.585.351.940	22.381.627.293

(*) Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải thu đầu năm phát sinh từ việc Công ty đã điều chỉnh tăng tiền thuế đất truy thu theo Báo cáo Kiểm toán Quyết toán Giá trị phần vốn Nhà nước giai đoạn từ ngày 01/07/2014 đến ngày 16/05/2016 dẫn đến tăng giá vốn hàng bán, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (Chi tiết xem tại Phụ lục 10/BCKT-QTV-DNCPH)

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Ngắn hạn	5.132.727.291	5.132.727.291
- Chi phí thuê nhà, đất (văn phòng Thành Ủy) (*)	5.132.727.291	5.132.727.291
Cộng	5.132.727.291	5.132.727.291

(*) Chi tiết tại: Thuyết minh 29.4

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Ngắn hạn	1.881.994.494	2.287.572.471
- Tiền đặt cọc	1.109.462.633	1.617.928.533
- Các khoản phải trả khác	772.531.861	669.643.938
Dài hạn	32.143.387.913	32.116.387.913
- Phải trả liên quan đến hoạt động góp vốn liên doanh với Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt (*)	29.118.387.913	29.118.387.913
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.025.000.000	2.998.000.000
Cộng	34.025.382.407	34.403.960.384

(*) Số dư chủ yếu bao gồm doanh thu từ việc cho thuê mặt bằng và kinh doanh Bowling tại Trung tâm Thương mại Bowling từ năm 1998 đến 2010. Số dư này sẽ được quyết toán khi UBND TP.HCM có quyết định về số liệu quyết toán vốn nhà nước trong thời kỳ chuyển thể. (Thuyết minh 29.2).



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn VND	LNST thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	1.186.840.000.000	69.686.924.280	(331.960.564.757)	924.566.359.523
- Lỗ trong năm			(56.960.436.676)	(56.960.436.676)
Số dư đầu năm nay	1.186.840.000.000	69.686.924.280	(388.921.001.433)	867.605.922.847
- Lỗ trong kỳ	-	-	(12.791.277.872)	(12.791.277.872)
Số dư cuối kỳ	1.186.840.000.000	69.686.924.280	(401.712.279.305)	854.814.644.975

19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
- Tổng công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV	581.551.600.000	581.551.600.000
- Công ty Cổ phần SAM HOLDINGS	414.894.250.000	414.894.250.000
- Các cổ đông khác	190.394.150.000	190.394.150.000
Cộng	1.186.840.000.000	1.186.840.000.000

Tại ngày 30/6/2026, các cổ đông đã góp đủ vốn theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần.

19.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	1.186.840.000.000	1.186.840.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	1.186.840.000.000	1.186.840.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

19.4 Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	118.684.000	118.684.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	118.684.000	118.684.000
Cổ phiếu phổ thông	118.684.000	118.684.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	118.684.000	118.684.000
Cổ phiếu phổ thông	118.684.000	118.684.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP):	10.000	10.000

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Doanh thu bán hàng hóa	147.275.339	163.978.914
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	96.720.989.767	90.577.661.413
Cộng	96.868.265.106	90.741.640.327

(*) Chi tiết doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 28.2

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Giá vốn hàng hóa	26.134.479	24.770.350
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	127.545.552.007	128.572.645.577
- Tiền thuê đất được giảm	-	(13.554.956.478)
Cộng	127.571.686.486	115.042.459.449

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	17.925.371.000	8.199.529.400
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn	10.623.458.374	10.476.330.969
Cộng	28.548.829.374	18.675.860.369

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Chi phí cho nhân viên	694.880.000	853.140.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.460.474.280	1.043.126.127
Cộng	3.155.354.280	1.896.266.127

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Chi phí cho nhân viên	4.977.948.500	4.382.431.000
- Chi phí đồ dùng văn phòng	121.235.302	127.870.733
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	237.490.146	225.623.166
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	246.688.991	250.581.457
- Các chi phí khác	1.935.094.770	2.130.493.979
Cộng	7.518.457.709	7.117.000.335

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	15.025.192.302	13.044.270.038
- Chi phí nhân công	33.407.919.978	32.386.944.077
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.372.285.033	11.575.981.896
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.619.795.481	19.271.103.400
- Chi phí khác bằng tiền	13.352.263.566	14.036.846.560
- Tiền thuê đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	44.441.907.636	33.715.809.590
Cộng	138.219.363.996	124.030.955.561

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Lợi nhuận kế toán trước thuế	(12.791.277.872)	(14.591.271.077)
- Các khoản điều chỉnh tăng	897.087.183	1.095.825.421
Chi phí không được khấu trừ	897.087.183	1.095.825.421
- Các khoản điều chỉnh giảm	(17.925.371.000)	(8.199.529.400)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(17.925.371.000)	(8.199.529.400)
- Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ	(29.819.561.689)	(21.694.975.056)
- Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(12.791.277.872)	(14.591.271.077)
- Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	118.684.000	118.684.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	(108)	(123)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)	(108)	(123)

28. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**28.1 Các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác. Danh sách các bên liên quan của Công ty từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV	Cổ đông lớn
Văn phòng Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn	Đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn
Khách sạn Thiên Hồng	Đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn
Khách sạn Oscar Sài Gòn	Đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn
Khách sạn Bến Thành	Đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn
Khách sạn Majestic Sài Gòn	Đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn
Làng du lịch Bình Quới	Đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn
Sài Gòn Côn Đảo Resort	Đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Lữ hành Saigontourist	Công ty con của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn
Công ty TNHH Sài Gòn - Bản Giốc	Công ty con của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Phú Yên	Công ty con của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn
Công ty liên doanh Hội chợ và Triển lãm Sài Gòn	Công ty con của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Ninh Chữ	Công ty con của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Sài Gòn Hạ Long	Công ty con của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn
Công ty Cổ phần Du lịch Đắk Lắk	Công ty con của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn
Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Thương mại Phú Thọ	Công ty con của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn

Bên liên quan**Mối quan hệ**

Công ty Cổ phần Sài Gòn - Ba Bể	Công ty con của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn - Đông Hà	Công ty con của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn
Công ty Cổ phần Sài Gòn Sông Cầu	Công ty con của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn
Công ty Liên doanh Hữu hạn Khách sạn Chains Caravelle	Công ty liên kết của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn
Công ty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist	Công ty liên kết của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn
Công ty TNHH Du lịch Thương mại Sài Gòn Cần Thơ	Công ty liên kết của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn
Công ty TNHH Phát triển nhà Đại An - Saigontourist	Công ty liên kết của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn
Công ty Liên doanh Khách sạn Sài Gòn Inn	Công ty liên kết của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn
Công ty TNHH Liên doanh Hoa Việt	Công ty liên kết của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn
Công ty TNHH Saigon Morin Huế	Công ty liên kết của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn
Công ty TNHH Sài Gòn Gòn	Công ty liên kết của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn
Công ty Cổ phần Sài Gòn - Kim Liên	Công ty liên kết của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn
Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn Tourane	Công ty liên kết của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn
Công ty Cổ phần Sài Gòn - Phú Quốc	Công ty liên kết của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn
Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn	Công ty liên kết của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Quảng Bình	Công ty liên kết của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Sài Gòn - Mũi Né	Công ty liên kết của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn
Công ty Cổ phần Sài Gòn Đà Lạt	Công ty liên kết của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn - Bình Châu	Công ty liên kết của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Mêkông	Công ty liên kết của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn - Quy Nhơn	Công ty liên kết của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn - Vĩnh Long	Công ty liên kết của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn
Công ty Cổ phần Yasaka Saigon Nha Trang	Công ty liên kết của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn
Công ty Cổ phần Sài Gòn - Rạch Giá	Công ty liên kết của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn
Công ty Cổ phần Sài Gòn Quê Hương	Công ty liên kết của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Thủ Đức	Công ty liên kết của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Sài Gòn Bông Sen	Công ty liên kết của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Nhà Đồng Hiệp	Công ty liên kết của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn
Công ty Cổ phần Phát triển A&B	Công ty liên kết của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn - An Phát	Công ty liên kết của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Saigontourist	Công ty liên kết của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn
Công ty Cổ phần Sài Gòn Sovico - Phú Quốc	Công ty liên kết của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn
Công ty Cổ phần Sam Holdings	Công ty liên kết của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn
Công ty Cổ phần Dây và cáp Sacom	Công ty con của Công ty Cổ phần Sam Holdings
Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom	Công ty con của Công ty Cổ phần Sam Holdings
Công ty Cổ phần Sacom - Tuyển Lâm	Công ty con của Công ty Cổ phần Sam Holdings
Công ty TNHH Sacom Chíp Sáng	Công ty con của Công ty Cổ phần Sam Holdings
Công ty Cổ phần Capella Quảng Nam	Công ty con của Công ty Cổ phần Sam Holdings
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Nam Tây Nguyên	Công ty con của Công ty Cổ phần Sam Holdings
Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia	Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Sam
Công ty Cổ phần Capella Việt Nam	Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Sam
Công ty Cổ phần Liên doanh Cảng Quốc tế Mỹ Thủy	Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Sam
Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	Công ty liên kết
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương	Bên liên quan với chủ tịch HĐQT Công ty làm
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia	Công ty do ông Trần Việt Anh làm Thành viên
Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Vico Quảng Trị	Công ty do ông Trần Việt Anh làm Chủ tịch

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Cát thạch anh Cao cấp Vico	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư và
Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty Cổ phần	Công ty do ông Trần Việt Anh làm Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu tư Infinity Group	Công ty do ông Phương Xuân Thụy làm Chủ
Công ty Cổ phần SJ Group	Công ty do ông Phương Xuân Thụy làm Phó
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	Nhân sự quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

28.2 Giao dịch với các bên liên quan

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	3.420.626.235	2.496.193.269
Công ty CP Công viên nước Đầm Sen	1.446.759.261	1.458.026.012
Các đơn vị trực thuộc Tổng công ty du lịch Sài Gòn - TNHH MTV	935.742.361	622.647.676
- Văn phòng Tổng công ty Du lịch Sài Gòn	6.481.481	251.825.353
- Khách sạn Thiên Hồng	197.033.695	-
- Làng du lịch Bình Quới	292.009.259	-
- Công ty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist	386.255.891	350.964.915
- Công ty TNHH MTV Lữ hành Saigontourist	53.962.035	19.857.408
Công ty Cổ phần Sam Holdings	51.922.128	170.763.752
Công ty Cổ phần Dây và Cáp Sacom	52.920.517	189.478.272
Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom	44.056.222	37.917.259
Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Vico Quảng Trị	4.128.741	-
Công ty Cổ phần Liên doanh Cảng Quốc tế Mỹ Thủy	424.727.564	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Infinity Group	327.666.076	-
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương	132.703.365	17.360.298
Mua hàng hóa, dịch vụ	49.090.251	199.338.421
Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	3.837.963	22.770.370
Công ty Cổ phần Sài Gòn Đông Hà	17.645.834	18.234.028
Các đơn vị trực thuộc Tổng Cty du lịch Sài Gòn TNHH-MTV	22.145.454	140.973.725
- Văn phòng Tổng công ty Du lịch Sài Gòn	-	118.055.543
- Công ty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist	22.145.454	22.918.182
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương	5.461.000	17.360.298
Cổ tức Công ty được chia	17.925.371.000	-
Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	16.209.736.000	-
Công ty Cổ phần Sài Gòn Đà Lạt	1.715.635.000	-

28.3 Số dư với các bên liên quan

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải thu khách hàng	1.051.634.546	454.243.400
- Tổng Công ty Du Lịch Sài Gòn - TNHH MTV	253.722.000	-
- Công ty Cổ phần Sam Holdings	33.234.700	-
- Công ty Cổ phần SJ Group	34.309.640	-
- Công ty Cổ phần Dây và cáp Sacom	-	37.985.200
- Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom	14.312.400	5.715.000
- Công ty Cổ phần Liên doanh Cảng Quốc tế Mỹ Thủy	115.102.400	88.987.000
- Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	520.000.000	260.000.000
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương	27.998.800	8.784.600
- Công ty TNHH Cát thạch anh Cao cấp Vico	-	3.314.600
- Công ty Cổ phần Đầu tư Infinity Group	52.954.606	49.457.000
Phải thu khác	71.940.226.554	70.224.591.554
- Tổng Công ty Du Lịch Sài Gòn - TNHH MTV	70.224.591.554	70.224.591.554
- Công ty Cổ phần Sài Gòn - Đà Lạt	1.715.635.000	-
Phải trả người bán	996.000	192.000
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương	996.000	192.000

28.4 Tiền lương và thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

Họ tên	Chức vụ	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Ông Trần Việt Anh	Chủ tịch HĐQT	57.600.000	57.600.000
- Ông Nguyễn Quốc Anh	Thành viên HĐQT	57.600.000	57.600.000
- Ông Phương Xuân Thụy	Thành viên HĐQT	57.600.000	57.600.000
- Ông Nguyễn Đông Hòa	Thành viên HĐQT	57.600.000	57.600.000
- Ông Nguyễn Tiến Đạt	Thành viên HĐQT	57.600.000	57.600.000
- Ông Nguyễn Lâm Tùng	Thành viên HĐQT	57.600.000	57.600.000
- Ông Hoàng Văn Bá	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	479.050.000	435.500.000
- Ông Lê Song Trọng Chính	Phó Tổng giám đốc	278.475.000	259.700.000
- Bà Nguyễn Hồng Thanh Lan	Phó Tổng giám đốc	221.775.000	206.900.000
- Ông Huỳnh Ngọc Cách	Kế toán trưởng	229.625.000	203.900.000
- Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	Trưởng Ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 28/04/2025)	192.000.000	64.000.000
- Bà Nguyễn Thị Nguyên	Trưởng Ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 28/04/2025)	-	128.000.000
- Bà Hồ Thị Ngọc Như	Thành viên BKS	38.400.000	38.400.000
- Ông Nguyễn Quốc Tuệ	Thành viên BKS (Bổ nhiệm ngày 28/04/2025)	38.400.000	12.800.000
- Bà Nguyễn Thị Thu Tâm	Thành viên BKS (Miễn nhiệm ngày 28/04/2025)	-	25.600.000
Tổng		1.823.325.000	1.720.400.000

29. THÔNG TIN KHÁC**29.1 QUYẾT TOÁN CỔ PHẦN HÓA**

Ngày 30/11/2015, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ thuộc Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV thành Công ty cổ phần với vốn điều lệ 1.186.840.000.000 VND tương ứng 118.684.000 cổ phần theo Quyết định số 6321/QĐ-UBND. Từ ngày 17/05/2016, Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301074118 thay đổi lần thứ 12 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn – TNHH Một thành viên (“Tổng Công ty”) có Báo cáo số 1192/BC-TCT ngày 13/06/2024 của về tiến độ và đề xuất các nhiệm vụ trọng tâm về thực hiện quyết toán giá trị phần vốn Nhà nước trong quá trình Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ (nay là Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ). Trong đó, Tổng Công ty đề cập các nội dung sau:

- Báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt kết quả giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ xác định lại;
- Số liệu truy thu tiền thuế đất trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp và trong giai đoạn từ sau xác định giá trị doanh nghiệp đến chính thức chuyển đổi hoạt động sang mô hình công ty cổ phần của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ giữa Kiểm toán Nhà nước khu vực XIII và cơ quan thuế có sự khác biệt lớn cần được các cấp thẩm quyền xác định số liệu cụ thể;
- Một số vấn đề xử lý tài chính khác như khoản phải thu, phải trả liên quan đến hợp đồng vốn góp liên doanh với Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt hiện nay đã có phán quyết của tòa án.

Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vẫn chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ. Theo đó một số nội dung có liên quan sẽ phụ thuộc vào kết quả phê duyệt quyết toán cổ phần hóa của từ Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, bao gồm:

- Phải thu giai đoạn trước cổ phần hóa với Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV số tiền 70.224.591.554 đồng (Thuyết minh 8(1));
- Phải thu liên quan đến tiền thuê đất bổ sung cho giai đoạn trước cổ phần hóa 8(2) số tiền: 2.728.877.249 đồng; Tiền thuê đất truy thu và tiền phạt chậm nộp bị truy thu cho giai đoạn trước cổ phần hóa 8(3) số tiền: 106.940.609.957 đồng;
- Các vấn đề về tranh chấp thương mại liên quan đến Trung tâm thương mại Bowling Đàm Sen (Thuyết minh 29.2).

29.2 TRANH CHẤP THƯƠNG MẠI

Ngày 12 tháng 10 năm 1996, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ ký Hợp đồng Hợp tác Liên doanh Số 22/HĐ-96 với Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt ("Công ty Chí Đạt") để thành lập Trung tâm Thương mại Bowling Đàm Sen. Trong quá trình thực hiện, Công ty Chí Đạt có ký hai hợp đồng thuê tài chính số K97006 và K98002 ngày 16 tháng 2 năm 1998 với Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Kexim Việt Nam, tên cũ là Công ty Cho thuê Tài chính Kexim Việt Nam ("Công ty Kexim"). Trong năm 1999, Công ty Chí Đạt và Công ty Kexim xảy ra tranh chấp liên quan đến hai hợp đồng cho thuê tài chính nêu trên. Công ty Chí Đạt và Công ty Kexim đã đưa vấn đề tranh chấp này ra tòa án và Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ chịu trách nhiệm liên đới trong việc tranh chấp hai hợp đồng cho thuê tài chính nêu trên.

Theo Bản án số 27/2020/KDTM-PT ngày 25 tháng 6 năm 2020, Tòa án Nhân dân Cấp cao TP. HCM đã đưa ra các phán quyết sau:

- Công ty Kexim phải chịu trách nhiệm 50% tổng giá trị thiệt hại (số tiền là 2.022.082,725 đô la Mỹ); Công ty Chí Đạt và Công ty Phú Thọ cùng liên đới chịu trách nhiệm đối với 50% tổng giá trị thiệt hại còn lại. Tỷ lệ chịu trách nhiệm của Công ty Chí Đạt và Công ty Phú Thọ sẽ căn cứ vào tỷ lệ thỏa thuận góp vốn ban đầu trong Hợp đồng Liên doanh Số 22/HĐ-96 ngày 12 tháng 10 năm 1996 (Công ty Chí Đạt: 70%, tương ứng với 707.728,952 đô la Mỹ và Công ty Phú Thọ: 30%, tương ứng với 303.312,408 đô la Mỹ);
- Số tiền 127.772.000 Đồng đã thanh toán được chia theo tỷ lệ 70/30 để trừ vào số tiền phải trả của Công ty Chí Đạt và Công ty Phú Thọ;
- Công ty Phú Thọ được tự xử lý dây chuyền thiết bị hệ thống Bowling và các thiết bị kèm theo, theo danh mục tài sản kê biên kèm theo quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 308/BPTT-KT ngày 30/12/1999 của Tòa án Nhân dân TP. HCM để giải phóng mặt bằng.

Trong năm 2020, Công ty đã chuyển trả tiền bồi thường cho Công ty Kexim 7.029.265.055 Đồng (tương ứng 303.312,408 đô la Mỹ) theo Quyết định Số 3440/QĐCTHADS ngày 14 tháng 9 năm 2020 về việc thi hành án theo đơn yêu cầu của Cục thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh.

Tuy nhiên, theo Báo cáo Kiểm toán quyết toán giá trị phần vốn Nhà nước, các khoản phải thu, phải trả liên quan có thể ảnh hưởng đến số liệu quyết toán vốn nhà nước trong thời kỳ chuyển thể (từ xác định giá trị doanh nghiệp đến chính thức chuyển đổi hoạt động sang mô hình công ty cổ phần). Tại ngày phê duyệt báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty vẫn đang hạch toán và theo dõi các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính, gồm:

- Phải thu liên quan đến hoạt động góp vốn liên doanh với Chí Đạt 18.430.452.999 Đồng (Thuyết minh 8(4));
- Chi phí chờ phân bổ dài hạn liên quan đến chi phí khấu hao trung tâm thương mại Bowling Đàm Sen 6.995.003.594 Đồng (Thuyết minh 9); và
- Phải trả liên quan đến hoạt động góp vốn liên doanh với Chí Đạt 29.118.387.913 Đồng (Thuyết minh 18).

29.3 HOẠT ĐỘNG KINH DOANH KHÁCH SẠN NGỌC LAN

Công ty thuê lại mặt bằng nhà, đất tại Số 293 và Số 295/1 Đường Lý Thường Kiệt, Phường Phú Thọ, Thành phố Hồ Chí Minh từ Văn phòng Thành ủy và đã thực hiện cải tạo nâng cấp thành Khách sạn Ngọc Lan. (Thuyết minh 29.4)

Năm 2019, Công ty và Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Hùng Đại Dương ("Công ty Hùng Đại Dương") cùng ký Hợp đồng quản lý - khai thác kinh doanh Khách sạn Ngọc Lan số 16/2019/HĐQLKT ngày 17/06/2019. Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, trong năm 2021 Công ty và Công ty Hùng Đại Dương đã ký Phụ lục hợp đồng để thay đổi đơn giá thuê tài sản và mức phân chia hợp đồng hợp tác.

Lũy kế đến ngày 30/6/2026, số tiền Công ty phải thu Công ty Hùng Đại Dương là 9.814.794.062 VND (Thuyết minh 7 và Thuyết minh 8). Khoản phải thu này hiện chưa được Công ty Hùng Đại Dương xác nhận. Đánh giá các khoản công nợ này khó có khả năng thu hồi, Công ty đã trích lập dự phòng với số dự phòng lũy kế đã trích lập tại thời điểm 30/06/2026 là 9.156.157.699 VND (Thuyết minh 9).

Ngày 27/10/2023, Công ty đã tiến hành nộp đơn khởi kiện lên Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Bản án số 127/2025/KDTM-ST ngày 30/09/2025, Tòa án Nhân dân Khu vực 1 Thành phố Hồ Chí Minh đã đưa ra các phán quyết như sau:

- Buộc Công ty Hùng Đại Dương thanh toán số tiền 5.071.160.831 VND cho Công ty;
- Không chấp nhận yêu cầu của Công ty về việc yêu cầu Công ty Hùng Đại Dương thanh toán chi phí di dời tài sản ra khỏi Khách sạn Ngọc Lan; (Thuyết minh 8)
- Đình chỉ yêu cầu của Công ty về buộc Công ty Hùng Đại Dương thanh toán số tiền 5.281.358.686 VND theo Hợp đồng quản lý - khai thác kinh doanh Khách sạn Ngọc Lan số 16/2019/HĐQLKT ngày 17/06/2019 và tiền lãi tạm tính 1.179.048.512 VND;
- Công ty chịu án phí 11.050.000 VND, Công ty Hùng Đại Dương chịu án phí 113.071.161 VND.

Ngày 18/11/2025, Văn phòng Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh ("Văn phòng Thành ủy") nộp đơn kháng cáo lên Tòa án Nhân dân Khu vực 1 Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Tòa án Phúc thẩm xem xét, đánh giá lại toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm để bảo vệ quyền lợi của Văn phòng Thành ủy.

Ngày 7/5/2026, Tòa án Nhân dân TP. Hồ Chí Minh đã ban hành bản án phúc thẩm số 179/2026/KDTM-PT về việc tranh chấp tín dụng, theo đó, Tòa án Nhân dân TP. Hồ Chí Minh đã đưa ra phán quyết chấp nhận kháng cáo của Văn phòng Thành ủy TP. Hồ Chí Minh, hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 127/2025/KDTM-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1, thành phố Hồ Chí Minh, và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân khu vực 1, thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Đến thời điểm Báo cáo tài chính này được phê duyệt, vụ việc đang trong quá trình thực hiện các thủ tục tố tụng theo quy định.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến Khách sạn Ngọc Lan này sẽ được Công ty ghi nhận khi xác định quyền và nghĩa vụ các bên sau khi có kết luận cuối cùng của Tòa án nhân dân khu vực 1, thành phố Hồ Chí Minh.

29.4 THUÊ MẶT BẰNG, NHÀ ĐẤT TỪ VĂN PHÒNG THÀNH ỦY TP. HỒ CHÍ MINH

Công ty ký các hợp đồng và các phụ lục có liên quan về việc thuê mặt bằng nhà, đất với Văn phòng Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh gồm:

- Hợp đồng số 134-HĐ/VPTU ngày 27/06/2016 về thuê mặt bằng nhà, đất tại số 15 đường số 2 Cư xá Lữ Gia, Phường Phú Thọ, Thành phố Hồ Chí Minh (là địa chỉ đặt Văn phòng Công ty cũ) với thời hạn thuê là 18 tháng kể từ ngày 01/07/2016 và Phụ lục số 277-HĐ/VPTU ngày 17/01/2018 điều chỉnh thời gian thuê đến 31/12/2019;
- Hợp đồng số 1040-HĐ/VPTU ngày 24/12/2014, Phụ lục 451-HĐ/VPTU ngày 19/03/2020 và Phụ lục 457-HĐ/VPTU ngày 10/08/2020 về thuê mặt bằng nhà, đất tại số 295/1 đường Lý Thường Kiệt, Phường Phú Thọ, Thành phố Hồ Chí Minh với thời hạn thuê đến 31/01/2020; Hợp đồng số 1062-HĐ/VPTU ngày 29/01/2015 về thuê mặt bằng nhà, đất tại 293 đường Lý Thường Kiệt, Phường Phú Thọ, Thành phố Hồ Chí Minh với thời hạn thuê đến 31/12/2019 là 02 mặt bằng liên quan đến hoạt động kinh doanh khách sạn Ngọc Lan. (Thuyết minh 29.3).

Từ sau khi thời hạn thuê và đơn giá thuê điều chỉnh qua các phụ lục nêu trên, giữa Công ty và Văn phòng Thành ủy chưa ký kết các Hợp đồng hay phụ lục hợp đồng nào khác có liên quan, Văn phòng Thành ủy đã có các văn bản về việc điều chỉnh giá thuê, cụ thể như sau:

- Đối với địa chỉ 15 đường số 2 Cư xá Lữ Gia: Công văn số 1166-CV/VPTU ngày 22/01/2021;
- Đối với địa chỉ 293 đường Lý Thường Kiệt: Công văn số 1165-CV/VPTU ngày 22/01/2021;
- Đối với địa chỉ 295/1 đường Lý Thường Kiệt: Công văn số 1718-CV/VPTU ngày 30/03/2021 và Công văn số 10723-CV/VPTU ngày 25/08/2023.

Công ty vẫn chưa đồng ý về giá mà Văn phòng Thành ủy đưa ra, và Công ty đang căn cứ giá thuê theo hợp đồng và các phụ lục để tính tiền thuê và thanh toán cho Văn phòng Thành ủy kể từ sau khi hết thời hạn.

Ngày 07/03/2023, Công ty đã bàn giao, trả lại 02 mặt bằng tại Khách sạn Ngọc Lan cho Văn phòng Thành ủy. Theo Nghị quyết số 03/2023/HĐQT/NQ ngày 14/04/2023, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc di dời trụ sở chính của Công ty về số 03 Hòa Bình, Phường 03, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phường Bình Thới, Thành phố Hồ Chí Minh). Công ty đã thực hiện di dời trụ sở chính theo Nghị quyết này. Đến ngày 22/07/2024, Công ty đã bàn giao, trả lại mặt bằng nhà, đất tại số 15 đường số 2 Cư xá Lữ Gia, Phường Phú Thọ, Thành phố Hồ Chí Minh cho Văn phòng Thành ủy.

Văn phòng Thành ủy TP. Hồ Chí Minh đã khởi kiện Công ty ra Tòa án Nhân dân khu vực 3 TP. Hồ Chí Minh. Ngày 9/3/2026, Tòa án Nhân dân khu vực 3 TP. Hồ Chí Minh đã ban hành bản án số 04/2026/KDTM-ST, theo đó, Tòa án Nhân dân Khu vực 3 Thành phố Hồ Chí Minh đã đưa ra các phán quyết như sau:

- Chấm dứt Hợp đồng số 1062-HĐ/VPTU ngày 29/01/2015; Hợp đồng số 1040-HĐ/VPTU ngày 24/12/2014; Phụ lục hợp đồng số 451-HĐ/VPTU ngày 19/3/2020; Phụ lục hợp đồng số 457-HĐ/VPTU ngày 10/8/2020; Hợp đồng số 134-HĐ/VPTU ngày 27/7/2016; Phụ lục hợp đồng số 277-HĐ/VPTU ngày 17/1/2018;

- Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ phải thanh toán cho Văn phòng Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh tiền thuê mặt bằng nhà, đất tại địa chỉ số 293 đường Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11 (nay là phường Phú Thọ), Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền 9.191.862.397 đồng; tại địa chỉ số 295/1 đường Lý Thường Kiệt, phường 15, Quận 11 (nay là phường Phú Thọ), Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền 5.581.227.051 đồng; và tại địa chỉ số 15 đường số 2 cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11 (nay là phường Phú Thọ), Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền 3.935.455.928 đồng.

Tổng cộng Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ phải thanh toán cho Văn phòng Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh số tiền 18.708.545.376 đồng, trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật;

- Buộc Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ phải thanh toán cho Văn phòng Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh tiền lãi chậm thanh toán tại địa chỉ số 295/1 đường Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11 (nay là phường Phú Thọ), Thành phố Hồ Chí Minh trong hợp đồng là 342.606.168 đồng, trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật;

Kể từ ngày Văn phòng Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ chưa thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ còn phải chịu thêm tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

- Công ty phải chịu án phí sơ thẩm là 127.051.152 đồng.

Ngày 24/3/2026, Công ty đã có đơn kháng cáo gửi Tòa án Nhân dân TP. Hồ Chí Minh, theo đó, Công ty kháng cáo một phần Bản án số 04/2026/KDTM-ST ngày 9/3/2026 do Hội đồng xét xử sơ thẩm đã đánh giá chứng cứ chưa toàn diện, dẫn đến quyết định gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty.

Ngày 11/5/2026 Tòa án Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành quyết định số 2984/2026/QĐ-PT về việc đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Đến thời điểm Báo cáo tài chính này được phê duyệt, Toàn án nhân dân TP. Hồ Chí Minh chưa ban hành bản án phúc thẩm đối với vụ việc này.

Các quyền và nghĩa vụ phát sinh liên quan đến vụ việc này sẽ được Công ty ghi nhận khi xác định quyền và nghĩa vụ các bên sau khi có bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

29.5 THÔNG BÁO NỢ THUẾ

Theo Thông báo số 197536/TB-CTTPHCM-KĐT ngày 10/07/2024 về tiền nợ thuế chưa nộp ngân sách Nhà nước tính đến ngày 30/06/2024, Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh thông báo số tiền Công ty nợ ngân sách tại ngày 30/06/2024 là 1.747.861.053 VND. Đây là khoản tiền tiền chậm nộp tính trên khoản nợ đã thanh toán. Công ty hiện chưa chấp nhận nghĩa vụ theo thông báo này của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh, vì dữ liệu giữa cơ quan thuế và Công ty có sự khác nhau.

Công ty đã tự rà soát số liệu thuế các năm trước và đang tạm xác định nguồn gốc của khoản tiền nợ thuế nêu trên là do sai sót kê khai thuế năm 2014. Trước đó, ngày 28/10/2020, Công ty đã gửi Công văn số 167/CV-2020 cho Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh để trình bày việc kê khai trùng và đề nghị Cục thuế điều chỉnh số liệu cho Công ty.

Ngày 25/07/2024, Công ty đã gửi Công văn số 99/CV-2024 cho Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu được đối chiếu dữ liệu nộp thuế. Ngày 13/03/2025, Công ty tiếp tục gửi Công văn số 24/CV-2025 cho Chi cục thuế Khu vực II nhắc lại nội dung của Công văn số 167/CV-2020 và đề nghị được đối chiếu dữ liệu nộp thuế.

Đến thời điểm hiện tại, các cơ quan thuế vẫn chưa có văn bản phản hồi chính thức.

30. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán và giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025 đã được soát xét của Công ty.

Công ty đã thực hiện trình bày và phân loại lại các số liệu so sánh cho phù hợp với cách trình bày mới theo quy định tại Thông tư 99/2025/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 27 tháng 10 năm 2025 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2026) với một số khoản mục trên Báo cáo tình hình tài chính, chi tiết phân loại lại các số liệu so sánh như sau:

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025			Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 99/2025/TT-BTC			Thay đổi
Tên khoản mục	Mã số	Số tiền	Tên khoản mục	Mã số	Số tiền	
A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			A. BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH			
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	267.000.000.000	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	281.148.743.808	(14.148.743.808)
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	15.432.785.257	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	3.174.955.340	12.257.829.917
Phải thu ngắn hạn khác	136	195.271.542.729	Phải thu ngắn hạn khác	135	1.178.720.161	194.092.822.568
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(11.624.648.099)	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	(136.818.182)	(11.487.829.917)
Phải thu khách hàng dài hạn	211	240.000.000	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	12.497.829.917	(12.257.829.917)
Phải thu dài hạn khác	216	19.420.452.999	Phải thu dài hạn khác	215	199.364.531.759	(179.944.078.760)
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	(7.040.000.000)	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216	(18.527.829.917)	11.487.829.917
Phải trả ngắn hạn khác	319	31.583.518.994	Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	177.558.610	(177.558.610)
Phải trả dài hạn khác	337	2.998.000.000	Phải trả ngắn hạn khác	320	2.287.572.471	29.295.946.523
			Phải trả dài hạn khác	338	32.116.387.913	(29.118.387.913)

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phê duyệt, ngày 14 tháng 08 năm 2026

Tổng Giám đốc

Trần Thị Thu Hương

Huỳnh Ngọc Cách

Hoàng Văn Bá